

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



GIÁO TRÌNH
LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
(Sử dụng trong các trường đại học – hệ không
chuyên lý luận chính trị)

HÀ NỘI, THÁNG 9 NĂM 2019

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Đồng chí **Võ Văn Thường**, Ủy viên Bộ Chính trị khóa XII,
Bí thư Trung ương Đảng khóa XII, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương khóa XII.
Đồng chí GS. TS. **Phùng Xuân Nhạ**, Ủy viên Trung ương Đảng khóa XII,
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo nhiệm kỳ 2016 – 2021.
Đồng chí PGS. TS. **Phạm Văn Linh**, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương
khóa XII,
Trưởng Ban Chỉ đạo biên soạn giáo trình các môn Lý luận chính trị.

HỘI ĐỒNG BIÊN SOẠN

1. PGS. TS. Nguyễn Trọng Phúc, Chủ tịch Hội đồng.
2. PGS. TS. Ngô Đăng Trí, Phó Chủ tịch Hội đồng.
3. PGS. TS. Nguyễn Ngọc Hà, Thư ký chuyên môn.
4. Thiếu tướng, PGS. TS. Nguyễn Bình Ban, Ủy viên.
5. PGS. TS. Vũ Quang Hiến, Ủy viên.
6. PGS. TS. Phạm Xuân Mỹ, Ủy viên.
7. PGS. TS. Nguyễn Mạnh Hà, Ủy viên.
8. TS. Nguyễn Hữu Công, Ủy viên.
9. Đại tá, PGS. TS. Nguyễn Văn Sự, Ủy viên.
10. PGS. TS. Nguyễn Văn Giang, Ủy viên.
11. PGS. TS. Trần Thị Thu Hương, Ủy viên.
12. TS. Nguyễn Thị Hoàn, Ủy viên.
13. TS. Dương Văn Kha, Ủy viên.
14. TS. Ngô Quang Định, Ủy viên.
15. Nguyễn Đức Trung, Thư ký hành chính.

*(Theo quyết định số 5001/QĐ-BGDĐT, ngày 29 tháng 11 năm 2017, của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Lời mở đầu

Thực hiện kết luận số 94-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, ngày 28/3/2014, "Về tiếp tục đổi mới học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân"; thực hiện Quyết định số 5001/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 29/11/2017, về việc thành lập Hội đồng biên soạn chương trình, giáo trình môn học *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* của các chuyên ngành đào tạo chuyên và không chuyên về lý luận chính trị trình độ đại học, nhiệm vụ biên soạn đã được *Hội đồng biên soạn* triển khai nghiêm túc, đúng tiến độ theo định hướng của lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương, lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo, trực tiếp là Ban Chỉ đạo.

Quá trình biên soạn giáo trình, Hội đồng đã kế thừa các giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam của Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn lý luận Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo và giáo trình của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Giáo trình biên soạn lần này cho cả hai hệ cố gắng thể hiện rõ những kết quả nghiên cứu mới của khoa học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, những tổng kết và kết luận của các Đại hội Đảng toàn quốc và một số Hội nghị Trung ương, bảo đảm tính Đảng và tính khoa học. Với hệ chuyên lý luận chính trị, nội dung sâu hơn, nhất là các Cương lĩnh và những bài học lớn trong sự lãnh đạo của Đảng hướng vào làm rõ một số vấn đề có tính quy luật, lý luận của cách mạng Việt Nam.

Các Cương lĩnh của Đảng (2/1930, 10/1930, 3/1951, 6/1991 và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)) được trình bày gắn với các chương về các thời kỳ lịch sử. Nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ miền Bắc (1954 – 1975) được trình bày trong Chương 2 về hai cuộc kháng chiến giành độc lập hoàn toàn và thống nhất Tổ quốc.

Hội đồng biên soạn đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo của đồng chí Võ Văn Thưởng, Ủy viên Bộ Chính trị khóa XII, Bí thư Trung ương Đảng khóa XII, Trưởng Ban Tuyên Giáo Trung ương khóa XII; GS. TS. Phùng Xuân Nhạ, Ủy viên Trung ương Đảng khóa XII, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo nhiệm kỳ 2016 – 2021; PGS. TS. Phạm Văn Linh, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương khóa XII, Trưởng Ban Chỉ đạo biên soạn giáo trình các môn Lý luận chính trị.

Hội đồng biên soạn đã nhận được ý kiến đóng góp cả về nội dung và kết cấu giáo trình của các thầy, cô giáo trực tiếp giảng dạy môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở các Học viện, trường đại học trong cả nước qua các cuộc hội thảo, tọa đàm, tập huấn và giảng dạy thí điểm. Hội đồng đã nhận được ý kiến đóng góp trực tiếp của các nhà khoa học: GS. TS. Phùng Hữu Phú, GS. TS. Nguyễn Ngọc Cơ, PSG. TS. Trần Đức Cường, PGS. TS. Đoàn Ngọc Hải, PGS. TS. Trịnh Đình Tùng, PGS. TS. Bùi Kim Đỉnh, PGS. TS. Nguyễn Danh Tiên, PGS. TS. Nguyễn Xuân Tú, PGS. TS. Huỳnh Thị Gấm, TS. Đào Thị Bích Hồng, PGS. TS. Nguyễn Đình Lê, TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền, TS. Nguyễn Đình Cả và nhiều nhà khoa học khác.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong biên soạn, bổ sung, song giáo trình khó tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Quá trình giảng dạy, học tập rất mong được tiếp tục bổ sung, tu chỉnh để không ngừng nâng cao chất lượng giáo trình môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

HỘI ĐỒNG BIÊN SOẠN

Mục lục

| | |
|--|-----------|
| 0 Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 3 |
| I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam . . | 4 |
| II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam . . | 6 |
| 1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng | 6 |
| 2. Nhiệm vụ của khoa học lịch sử Đảng | 7 |
| III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 8 |
| 1. Quán triệt phương pháp luận sử học | 8 |
| 2. Các phương pháp cụ thể | 9 |
| a. Phương pháp lịch sử | 9 |
| b. Phương pháp logic | 9 |
| c. Các phương pháp khác | 10 |
| 1 Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1939 – 1945) | 13 |
| I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng | 14 |
| 1. Bối cảnh lịch sử | 14 |
| a. Tình hình thế giới cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX . . . | 14 |
| b. Tình hình Việt Nam và các phong trào yêu nước trước khi có Đảng | 14 |
| c. Các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam trước khi có Đảng | 17 |
| 2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng | 19 |
| a. Khái quát quá trình tìm đường cứu nước | 19 |
| b. Chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng | 20 |
| 3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng | 23 |
| a. Các tổ chức cộng sản ra đời | 23 |
| b. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam | 24 |
| c. Nội dung cơ bản của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng | 25 |
| 4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam . . . | 27 |
| II. Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945) | 29 |

| | | |
|----------|--|-----------|
| 1. | Phong trào cách mạng 1930 – 1931 và khôi phục phong trào 1932 – 1935 | 29 |
| a. | Phong trào cách mạng 1930 – 1931 và Luận cương chính trị (10/1930) | 29 |
| b. | Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương, tháng 10/1930 | 29 |
| c. | Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng, Đại hội Đảng lần thứ nhất (3/1935) | 29 |
| 2. | Phong trào dân chủ 1936 – 1939 | 29 |
| a. | Điều kiện lịch sử và chủ trương của Đảng | 29 |
| b. | Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình | 29 |
| 3. | Phong trào giải phóng dân tộc 1939 – 1945 | 29 |
| a. | Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược mới của Đảng | 29 |
| b. | Phong trào chống Pháp – Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang | 29 |
| c. | Tổng khởi nghĩa giành chính quyền | 29 |
| 4. | Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945 | 29 |
| a. | Tính chất | 29 |
| b. | Ý nghĩa | 29 |
| c. | Kinh nghiệm | 29 |
| 2 | Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975) | 31 |
| I. | Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945 – 1954 | 31 |
| II. | Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 – 1975) | 31 |
| 3 | Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – nay) | 33 |
| I. | Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 – 1986) | 33 |
| II. | Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986 – nay) | 33 |
| 1. | Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội 1986 – 1996 | 33 |
| a. | Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI và thực hiện đường lối đổi mới toàn diện | 33 |

Chương 0

Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập ngày 03/2/1930. Từ thời điểm lịch sử đó, lịch sử của Đảng hòa quyện cùng lịch sử của dân tộc. Đảng đã lãnh đạo và đưa sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, "có được cơ đồ và vị thế như ngày nay"¹. "*Đảng Cộng sản Việt Nam* là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản"².

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một chuyên ngành, một bộ phận của khoa học lịch sử. Chuyên ngành lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đã được nghiên cứu từ rất sớm. Năm 1933, tác giả Hồng Thế Công (tức Hà Huy Tập) đã công bố tác phẩm *Sơ thảo lịch sử phong trào cộng sản Đông Dương*. Ở các thời kỳ lịch sử của Đảng, Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo đã trình bày lịch sử và có những tổng kết quan trọng. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (1960) đã nêu rõ nhiệm vụ nghiên cứu, tổng kết lịch sử Đảng, nhất là tổng kết kinh nghiệm, bài học lãnh đạo của Đảng, con đường và quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam.

Năm 1962, cơ quan chuyên trách nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng là Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương được thành lập (nay là Viện Lịch sử Đảng). Từ những năm 60 của thế kỷ XX, bộ môn lịch sử Đảng đã được giảng dạy, học tập chính thức

¹Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng, 2016, tr. 20.

²Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 88.

trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp. Theo sự chỉ đạo của Bộ Chính trị khóa VII, ngày 13/7/1992, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) đã ban hành Quyết định số 255CT thành lập Hội đồng chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó có bộ môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Giáo trình bộ môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam dùng trong các trường đại học được biên soạn lần này là sự kế thừa và phát triển các giáo trình đã biên soạn trước đây, phù hợp với yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo quan điểm của Đảng.

I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Đối tượng nghiên cứu của khoa học Lịch sử Đảng là sự ra đời, phát triển và hoạt động lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ lịch sử.

1. Trước hết là các sự kiện lịch sử Đảng. Cần phân biệt rõ sự kiện lịch sử Đảng gắn trực tiếp với sự lãnh đạo của Đảng. Phân biệt sự kiện lịch sử Đảng với sự kiện lịch sử dân tộc và lịch sử quân sự trong cùng thời kỳ, thời điểm lịch sử. Môn học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nghiên cứu sâu sắc, có hệ thống *các sự kiện lịch sử Đảng*, hiểu rõ nội dung, tính chất, bản chất, của các sự kiện đó gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng. Các sự kiện thể hiện quá trình Đảng ra đời, phát triển và lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc, kháng chiến cứu quốc và xây dựng, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, ...

Sự kiện lịch sử Đảng là hoạt động lãnh đạo, đấu tranh phong phú và oanh liệt của Đảng làm sáng rõ bản chất cách mạng của Đảng với tư cách là một đảng chính trị, "là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc". Hệ thống các sự kiện lịch sử Đảng làm rõ thắng lợi, thành tựu của cách mạng, đồng thời cũng thấy rõ những khó khăn, thách thức, hiểu rõ những hi sinh, cống hiến lớn lao của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, sự hi sinh, phấn đấu của các tổ chức lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở, của mỗi cán bộ, đảng viên, với những tấm gương tiêu biểu. Các sự kiện phải được tái hiện trên cơ sở tư liệu lịch sử chính xác, trung thực, khách quan.

2. Đảng lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước bằng *Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách lớn*. Lịch sử Đảng có đối tượng nghiên cứu là Cương lĩnh, đường lối của Đảng, phải nghiên cứu, làm sáng tỏ nội dung Cương lĩnh, đường lối của Đảng, cơ sở lý luận, thực tiễn và giá trị hiện thực của đường lối trong tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh, đường lối đúng đắn là điều kiện trước hết quyết định thắng lợi của cách mạng. Phải không ngừng bổ sung, phát triển đường lối phù hợp với sự phát triển của lý luận và thực tiễn và yêu cầu của cuộc sống; chống nguy cơ sai lầm về đường lối, nếu sai lầm về đường lối sẽ dẫn tới đổ vỡ, thất bại.

Đảng đề ra Cương lĩnh chính trị đầu tiên (2/1930); Luận chương chính trị (10/1930); Chính cương của Đảng (2/1951); Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (6/1991) và bổ sung, phát triển năm 2011. Quá trình lãnh đạo, Đảng đề ra đường lối nhằm cụ thể hóa Cương lĩnh trên những vấn đề nổi bật ở mỗi thời kỳ lịch sử. Đường lối cách mạng giải phóng dân tộc. Đường lối kháng chiến bảo vệ Tổ quốc. Đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đường lối đổi mới. Đường lối quân sự. Đường lối đối ngoại v.v. Đảng quyết định những vấn đề chiến lược, sách lược và phương pháp cách mạng. Đảng là người tổ chức phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân hiện thực hóa đường lối đưa đến thắng lợi.

- Đảng lãnh đạo thông qua quá trình *chỉ đạo, tổ chức* thực tiễn trong tiến trình cách mạng. Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam làm rõ *thắng lợi, thành tựu, kinh nghiệm, bài học của cách mạng Việt Nam* do Đảng lãnh đạo trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, kháng chiến giành độc lập, thống nhất, thành tựu của công cuộc đổi mới. Từ một quốc gia phong kiến, kinh tế nông nghiệp lạc hậu, một nước thuộc địa, bị đế quốc, thực dân cai trị, dân tộc Việt Nam đã giành lại độc lập bằng cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 với bản *Tuyên ngôn độc lập* lịch sử; tiến hành hai cuộc kháng chiến giải phóng, bảo vệ Tổ quốc, thống nhất đất nước; thực hiện công cuộc đổi mới đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đảng cũng thẳng thắn nêu rõ những khuyết điểm, hạn chế, khó khăn, thách thức, nguy cơ cần phải khắc phục, vượt qua.

Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng là giáo dục sâu sắc những kinh nghiệm, bài học trong lãnh đạo của Đảng. Tổng kết kinh nghiệm, bài học, tìm ra quy luật riêng của cách mạng Việt Nam là công việc thường xuyên của Đảng ở mỗi thời kỳ lịch sử. Đó là nội dung và yêu cầu của công tác lý luận, tư tưởng của Đảng, nâng cao trình độ lý luận, trí tuệ của Đảng. Lịch sử Đảng là quá trình nhận thức, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn Việt Nam. Cần nhận thức rõ và chú trọng giáo dục những truyền thống nổi bật của Đảng; truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của Đảng; truyền thống đoàn kết, thống nhất trong Đảng; truyền thống gắn bó mật thiết với nhân dân, vì lợi ích quốc gia, dân tộc; truyền thống của chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

- Nghiên cứu Lịch sử Đảng là làm rõ hệ thống tổ chức Đảng, công tác xây dựng Đảng qua các thời kỳ lịch sử. Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng để nêu cao hiểu biết về *công tác xây dựng Đảng trong các thời kỳ lịch sử* về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Xây dựng Đảng về chính trị bảo đảm tính đúng đắn của đường lối, củng cố chính trị nội bộ và nâng cao bản lĩnh chính trị của Đảng. Xây dựng Đảng về tư tưởng "Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Xây dựng Đảng về tổ chức, củng cố, phát triển hệ thống tổ chức và đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng, tuân thủ các nguyên tắc tổ chức cơ bản". Xây dựng Đảng về đạo đức với những chuẩn mực về đạo đức trong Đảng và ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên hiện nay.

II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Là một ngành của khoa học lịch sử, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có chức năng, nhiệm vụ của khoa học lịch sử, đồng thời có những điểm cần nhấn mạnh.

1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng

Trước hết đó là *chức năng nhận thức*. Nghiên cứu và học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam để nhận thức đầy đủ, có hệ thống những tri thức lịch sử lãnh đạo, đấu tranh và cầm quyền của Đảng, nhận thức rõ về Đảng với tư cách một Đảng chính trị – tổ chức lãnh đạo của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam. Quy luật ra đời và phát triển của Đảng là sự kết hợp chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đảng được trang bị học thuyết lý luận, có Cương lĩnh, đường lối rõ ràng, có tổ chức, kỷ luật chặt chẽ, hoạt động có nguyên tắc. Từ năm 1930 đến nay, Đảng là tổ chức lãnh đạo duy nhất của cách mạng Việt Nam. Từ Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng trở thành Đảng cầm quyền, nghĩa là Đảng nắm chính quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng. Đảng thường xuyên tự xây dựng và chỉnh đốn để hoàn thành sứ mệnh lịch sử trước đất nước và dân tộc.

Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam còn nhằm nâng cao nhận thức về thời đại mới của dân tộc – thời đại Hồ Chí Minh, góp phần bồi đắp nhận thức lý luận từ thực tiễn Việt Nam. Nâng cao nhận thức về giác ngộ chính trị, góp phần làm rõ những vấn đề của khoa học chính trị (chính trị học) và khoa học lãnh đạo, quản lý. Nhận thức rõ những vấn đề lớn của đất nước, dân tộc trong mối quan hệ với những vấn đề của thời đại và thế giới. Tổng kết lịch sử Đảng để nhận thức quy luật của cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, quy luật đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Năng lực nhận thức và hành động theo quy luật là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

Nghiên cứu, biên soạn, giảng dạy, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cần quán triệt *chức năng giáo dục* của khoa học lịch sử. Giáo dục sâu sắc tinh thần yêu nước, ý thức, niềm tự hào, tự tôn, ý chí tự lực, tự cường dân tộc. Tinh thần đó hình thành trong lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc và phát triển đến đỉnh cao ở thời kỳ Đảng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giáo dục lý tưởng cách mạng với mục tiêu chiến lược là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó cũng là sự giáo dục tư tưởng chính trị, nâng cao nhận thức tư tưởng, lý luận, con đường phát triển của cách mạng và dân tộc Việt Nam. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần chiến đấu bất khuất, đức hi sinh, tính tiên phong gương mẫu của các tổ chức đảng, những chiến sĩ công sản tiêu biểu trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và phát triển đất nước. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có vai trò quan trọng trong giáo dục truyền thống của Đảng và dân tộc, góp phần giáo dục đạo đức cách mạng, nhân cách, lối sống cao đẹp như Hồ Chí Minh khẳng định: "Đảng ta là đạo đức, là văn minh".

Cùng với hai chức năng cơ bản của sử học là *nhận thức* và *giáo dục*, khoa học lịch sử Đảng còn có chức năng *dự báo* và *phê phán*. Từ nhận thức những gì đã diễn ra trong

quá khứ để hiểu rõ hiện tại và dự báo tương lai của sự phát triển. Năm 1942, trong tác phẩm *Lịch sử nước ta*, Hồ Chí Minh đã dự báo: "Năm 1945 Việt Nam độc lập". Sau này, Người còn nhiều lần dự báo chính xác trong 2 cuộc kháng chiến. Lãnh đạo đòi hỏi phải thấy trước. Hiện nay, Đảng nhấn mạnh năng lực tự dự báo. Để tăng cường sự lãnh đạo, nâng cao sức chiến đấu của Đảng, tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của Đảng. Phải kiên quyết phê phán những biểu hiện tiêu cực, lạc hậu, hư hỏng. Hiện nay, sự phê phán nhằm ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

2. Nhiệm vụ của khoa học lịch sử Đảng

Nhiệm vụ của khoa học lịch sử Đảng được đặt ra từ đối tượng nghiên cứu đồng thời cụ thể hóa chức năng của khoa học lịch sử Đảng.

- *Nhiệm vụ trình bày có hệ thống Cương lĩnh, đường lối của Đảng.* Khoa học lịch sử Đảng có nhiệm vụ hàng đầu là khẳng định, chứng minh giá trị khoa học và hiện thực của những mục tiêu chiến lược và sách lược cách mạng mà Đảng đề ra trong Cương lĩnh, đường lối từ khi Đảng ra đời và suốt quá trình lãnh đạo cách mạng. Mục tiêu và con đường đó là sự kết hợp, thống nhất giữa thực tiễn lịch sử với nền tảng lý luận nhằm thúc đẩy tiến trình cách mạng, nhận thức và cải biến đất nước, xã hội theo con đường đúng đắn. Sự lựa chọn mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội phù hợp với quy luật tiến hóa của lịch sử, đã và đang được hiện thực hóa.
- *Nhiệm vụ tái hiện tiến trình lịch sử lãnh đạo, đấu tranh của Đảng.* Từ hiện thực lịch sử và các nguồn tư liệu thành văn và không thành văn, *khoa học lịch sử Đảng* có nhiệm vụ rất quan trọng là làm rõ những sự kiện lịch sử, làm nổi bật các thời kỳ, giai đoạn và dấu mốc phát triển căn bản của tiến trình lịch sử, nghĩa là tái hiện quá trình lịch sử lãnh đạo và đấu tranh của Đảng. Những kiến thức, tri thức lịch sử Đảng được làm sáng tỏ từ vai trò lãnh đạo, hoạt động thực tiễn của Đảng, vai trò, sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Hoạt động của Đảng không biệt lập mà thống nhất và khơi dậy mạnh mẽ nguồn sức mạnh từ giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc.
- *Nhiệm vụ tổng kết lịch sử của Đảng.* Lịch sử Đảng Cộng sản Việt nam không dừng lại mô tả, tái hiện sự kiện và tiến trình lịch sử, mà còn có *nhiệm vụ tổng kết từng chặng đường và suốt tiến trình lịch sử, làm rõ kinh nghiệm, bài học, quy luật và những vấn đề lý luận* của cách mạng Việt Nam. Kinh nghiệm lịch sử gắn liền với những sự kiện hoặc một giai đoạn lịch sử nhất định. Bài học lịch sử khái quát cao hơn gắn liền với một thời kỳ dài, một vấn đề của chiến lược cách mạng hoặc khái quát toàn bộ tiến trình lịch sử của Đảng. Quy luật và những vấn đề lý luận ở tầm tổng kết cao hơn. Hồ Chí Minh nêu rõ:

"Lý luận là đem *thực tế* trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng, rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính"¹.

¹Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Vol. 5. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 273.

"Lý luận do kinh nghiệm cách mạng ở các nước và trong nước ta, do kinh nghiệm từ trước và kinh nghiệm hiện nay gom góp phân tích và kết luận những kinh nghiệm đó thành ra lý luận"¹.

Hồ Chí Minh nhiều lần đặt ra yêu cầu phải tổng kết, tìm ra quy luật riêng của cách mạng Việt Nam. Qua nhiều lần tổng kết, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định:

"Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn"².

"Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử"³.

- Một nhiệm vụ quan trọng của lịch sử Đảng là làm rõ vai trò, sức chiến đấu của hệ thống tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở trong lãnh đạo, tổ chức thực tiễn. Những truyền thống nổi bật của Đảng. Trí tuệ, tính tiên phong, gương mẫu, bản lĩnh của cán bộ, đảng viên. Tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo, những chiến sĩ cộng sản tiêu biểu trong các thời kỳ cách mạng. Những giá trị truyền thống, đức hi sinh và tấm gương tiêu biểu luôn luôn là động lực cho sự phát triển và bản chất cách mạng của Đảng. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII (tháng 10/2016) khẳng định: "Chúng ta có quyền tự hào về bản chất tốt đẹp, truyền thống anh hùng và lịch sử vẻ vang của Đảng ta – Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đại biểu của dân tộc Việt Nam anh hùng". Có một nhiệm vụ là hoàn thiện hệ thống tư liệu lịch sử Đảng.

III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Quán triệt phương pháp luận sử học

Phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cần dựa trên phương pháp luận khoa học mácxít, đặc biệt là nắm vững chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để xem xét và nhận thức lịch sử một cách khách quan, trung thực và đúng quy luật. Chú trọng nhận thức lịch sử theo quan điểm khách quan, toàn diện, phát triển và lịch sử cụ thể. Tư duy từ thực tiễn, từ hiện thực lịch sử, coi thực tiễn và kết quả của hoạt động thực tiễn là tiêu chuẩn cho chân lý. Chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo. Nhận thức rõ các sự kiện và tiến trình lịch sử trong các quan hệ: nguyên nhân và kết quả, hình thức và nội dung, hiện tượng và bản chất, cái chung và cái riêng, phổ biến và đặc thù.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử là kết quả của tư duy biện chứng, khoa học để xem xét, nhận thức lịch sử. Khi nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, cần thiết phải nhận thức, vận dụng chủ nghĩa duy vật lịch sử để nhận thức tiến trình cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Lý luận về hình thái kinh tế – xã hội; về giai cấp và đấu tranh giai cấp; về dân tộc và đấu tranh dân tộc; về vai trò của quần chúng

¹Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Vol. 5. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 312.

²Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Vol. 55. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2015, tr. 356.

³Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng, 2016, tr. 66.

nhân dân và cá nhân trong lịch sử; về cách mạng xã hội chủ nghĩa và tính tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa, sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản và Đảng Cộng sản.

Cùng với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Tư tưởng Hồ Chí Minh dẫn dắt sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Nghiên cứu, nắm vững tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa quan trọng để hiểu rõ lịch sử Đảng. Tư tưởng Hồ Chí Minh và tư duy, phong cách khoa học của Người là cơ sở và định hướng về phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, không ngừng sáng tạo, chống chủ nghĩa giáo điều và chủ quan duy ý chí.

2. Các phương pháp cụ thể

Khoa học lịch sử và chuyên ngành khoa học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đều sử dụng hai phương pháp cơ bản: phương pháp lịch sử và phương pháp logic, đồng thời chú trọng vận dụng các phương pháp nghiên cứu, học tập các môn khoa học xã hội khác.

a. Phương pháp lịch sử

"*Phương pháp lịch sử* là các con đường, cách thức tìm hiểu và trình bày quá trình phát triển của các sự vật và hiện tượng nói chung, của lịch sử loài người nói riêng với đầy đủ tính cụ thể, sống động, quanh co của chúng".

"Phương pháp lịch sử là nhằm diễn lại tiến trình phát triển của lịch sử với muôn màu muôn vẻ, nhằm thể hiện cái lịch sử với tính cụ thể, hiện thực, tính sinh động của nó. Nó giúp chúng ta nắm vững được cái lịch sử để có cơ sở nắm cái logic được sâu sắc".

Phương pháp lịch sử đi sâu vào tính muôn vẻ của lịch sử để tìm ra cái đặc thù, cái cá biệt trong cái phổ biến. Các hiện tượng lịch sử thường hay tái diễn, nhưng không bao giờ hoàn toàn như cũ; phương pháp lịch sử chú ý tìm ra cái khác trước, cái không lặp để thấy những nét đặc thù của lịch sử. Phương pháp lịch sử để thấy bước quanh co, có khi thụt lùi tạm thời của quá trình lịch sử. Phương pháp lịch sử đòi hỏi nghiên cứu thấu đáo mọi chi tiết lịch sử để hiểu vai trò, tâm lý, tình cảm của quần chúng, hiểu điểm và diện, tổng thể đến cụ thể. Chú trọng về không gian, thời gian, tên đất, tên người để tái hiện lịch sử đúng như nó đã diễn ra. Phương pháp lịch sử không có nghĩa là học thuộc lòng sự kiện, diễn biến lịch sử mà phải hiểu tính chất, bản chất của sự kiện, hiện tượng, do đó không tách rời phương pháp logic.

b. Phương pháp logic

"*Phương pháp logic* là phương pháp nghiên cứu các hiện tượng lịch sử trong hình thức tổng quát, nhằm mục đích vạch ra bản chất, quy luật, khuynh hướng chung trong sự vận động của chúng".

Phương pháp logic đi sâu tìm hiểu cái bản chất, cái lặp lại của các hiện tượng, các sự kiện, phân tích, so sánh, tổng hợp với tư duy khái quát để tìm ra bản chất các sự kiện, hiện tượng. Xác định rõ các bước phát triển tất yếu của quá trình lịch sử để tìm ra quy luật vận động khách quan của lịch sử, phương pháp logic chú trọng những sự kiện, nhân vật, giai đoạn mang tính điển hình. Cần thiết phải nắm vững logic học và rèn luyện tư duy logic, phương pháp logic có ý nghĩa quyết định đến sự nhận thức đúng đắn thế giới khách quan, hiện thực lịch sử, thấy rõ được hướng phát triển của lịch sử.

Từ nắm vững quy luật khách quan mà vận dụng vào thực tiễn cách mạng, góp phần chủ động cải tạo, cải biến thế giới và lịch sử.

Chỉ có nắm vững phương pháp lịch sử và phương pháp logic mới có thể hiểu rõ bản chất, nhận thức đúng đắn, giảng dạy và học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam một cách có hiệu quả, với tư cách một môn khoa học. Phương pháp lịch sử và phương pháp logic có quan hệ mật thiết với nhau và đó là sự thống nhất của phương pháp biện chứng mác xít trong nghiên cứu và nhận thức lịch sử. Các phương pháp đó không tách rời mà luôn luôn gắn với nguyên tắc tính khoa học và tính đảng trong khoa học lịch sử và trong chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

c. Các phương pháp khác

Cùng với hai phương pháp cơ bản là phương pháp lịch sử, phương pháp logic, nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cần coi trọng *phương pháp tổng kết thực tiễn lịch sử* gắn với nghiên cứu lý luận để làm rõ kinh nghiệm, bài học, quy luật phát triển và những vấn đề về nhận thức lý luận của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo. Chú trọng *phương pháp so sánh*, so sánh giữa các giai đoạn, thời kỳ lịch sử, so sánh các sự kiện, hiện tượng lịch sử, làm rõ các mối quan hệ, so sánh trong nước và thế giới, v. v.

Phương pháp học tập của sinh viên, hết sức coi trọng nghe giảng trên lớp để nắm vững những nội dung cơ bản từng bài giảng của giảng viên, và nội dung tổng thể của môn học. Thực hiện *phương pháp làm việc nhóm*, tiến hành thảo luận, trao đổi các vấn đề do giảng viên đặt ra để hiểu rõ hơn nội dung chủ yếu của môn học. Sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập. Tổ chức các cuộc làm việc tại bảo tàng lịch sử quốc gia, bảo tàng địa phương và các di tích lịch sử đặc biệt gắn với sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện kiểm tra, thi cử theo đúng quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của các trường đại học.

Nghiên cứu, giảng dạy, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cần chú trọng phương pháp vận dụng lý luận vào thực tiễn. Điều đó đòi hỏi nắm vững lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, bao gồm triết học, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học, nắm vững tư tưởng Hồ Chí Minh, luôn luôn liên hệ lý luận với thực tiễn Việt Nam để nhận thức đúng đắn bản chất của mỗi hiện tượng, sự kiện của lịch sử lãnh đạo, đấu tranh của Đảng.

Tính khoa học là sự phản ánh kết quả nghiên cứu sự vật, hiện tượng, sự kiện lịch sử phải đạt đến chân lý khách quan. Tính khoa học đòi hỏi phản ánh lịch sử khách quan, trung thực với những đánh giá, kết hợp dựa trên luận cứ khoa học, tôn trọng hiện thực lịch sử. Tính khoa học yêu cầu phương pháp nghiên cứu sáng tạo, nghiêm túc và có trách nhiệm. Tính đảng cống hiến trong nghiên cứu lịch sử và lịch sử Đảng là đứng trên lập trường chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để nhận thức lịch sử một cách khoa học, đúng đắn; là sự phản ánh đúng đắn quan điểm, đường lối của Đảng vì lợi ích của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của dân tộc; là thể hiện tính chiến đấu, biểu dương cái đúng đắn, tốt đẹp, phê phán cái xấu, cái lạc hậu, hư hỏng và những nhận thức lệch lạc, sai trái, phản động của các thế lực thù địch; luôn luôn kế thừa và phát triển sáng tạo. Tính khoa học và tính đảng là thống nhất và đều hướng tới phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, của cách mạng vì lý tưởng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đối với hệ đại học không chuyên về lý luận chính trị, với phân bổ 2 tín chỉ (30 tiết

giảng lý thuyết), tập trung nghiên cứu các chương tương ứng với 3 thời kỳ nổi bật của lịch sử Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giải phóng dân tộc (1930 – 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến giành độc lập hoàn toàn, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc (1945 – 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc và thực hiện công cuộc đổi mới (1975 – nay). Với hệ đại học chuyên lý luận chính trị (3 tín chỉ), giảng viên giảng sâu hơn các thời kỳ lịch sử đồng thời có chương về tổng thể các bài học về sự lãnh đạo của Đảng và có thể giới thiệu có hệ thống, sâu sắc các Cương lĩnh của Đảng. Sinh viên chú trọng hơn tự nghiên cứu.

Với hệ đại học không chuyên về lý luận chính trị, sinh viên cần nắm vững có hệ thống những vấn đề cơ bản của lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Hiểu rõ đặc điểm, mâu thuẫn chủ yếu của xã hội thuộc địa, phong kiến ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Sự phát triển tất yếu của đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc để giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược từ lập trường Cần vương đến lập trường tư sản, tiểu tư sản, qua khảo nghiệm lịch sử đều lần lượt thất bại. Tình hình đất nước đen tối như không có đường ra. Trong hoàn cảnh đó, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường đấu tranh đúng đắn để tự giải phóng dân tộc, xã hội, vì cuộc sống của nhân dân. Người đã truyền bá lý luận cách mạng là chủ nghĩa Mác – Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam và phát triển sáng tạo học thuyết lý luận đó vào thực tiễn Việt Nam; chuẩn bị những điều kiện về tư tưởng, lý luận, chính trị, tổ chức, cán bộ để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời mùa Xuân năm 1930 với Cương lĩnh chính trị đúng đắn đã mở ra thời kỳ phát triển mới của cách mạng và dân tộc Việt Nam.

Từ năm 1930 đến năm 1945, Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh không ngừng bổ sung, phát triển Cương lĩnh, đường lối, gương cao ngạo cờ độc lập dân tộc theo con đường xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện đường lối giải phóng dân tộc, lãnh đạo các phong trào cách mạng rộng lớn (1930 – 1931), (1936 – 1939) và cao trào giải phóng dân tộc (1939 – 1945) dẫn đến thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945. Cần nắm vững tính chất, đặc điểm, ý nghĩa lịch sử của cuộc Cách mạng tháng Tám và bản *Tuyên ngôn độc lập* (02/9/1945) – một thời đại mới được mở ra trong lịch sử dân tộc và cách mạng Việt Nam.

Cần hiểu được hoàn cảnh lịch sử những khó khăn, thách thức của thời kỳ mới, Đảng phải có đường lối, chiến lược và sách lược thích hợp để vừa kháng chiến vừa kiến quốc, xây dựng chính quyền nhà nước và chế độ mới. Đề ra đường lối và lãnh đạo kháng chiến làm thất bại các kế hoạch chiến tranh của thực dân Pháp đưa đến chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (07/5/1954) và các nước ký kết Hiệp nghị Geneve (21/7/1954). Đế quốc Mỹ thay thế thực dân Pháp, áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam và tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975 với các chiến lược chiến tranh tàn bạo chống lại dân tộc Việt Nam và phong trào cách mạng giải phóng trên thế giới. Đảng đề ra đường lối, kiên trì lãnh đạo đấu tranh, vượt qua thách thức hiểm nghèo dẫn đến toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975).

Cần nhận thức rõ quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, với đường lối do Đại hội III của Đảng đề ra (9/1960) và Đảng lãnh đạo đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sau năm 1975. Hiểu được quá trình

đổi mới tư duy lý luận, khảo nghiệm thực tiễn trong những năm 1975 – 1986 để hình thành con đường đổi mới đất nước. Năm vững đường lối đổi mới được hoạch định tại Đại hội VI (12/1986). Sự phát triển đường lối và tổ chức thực hiện hơn 30 năm qua đưa đất nước vững bước phát triển trên con đường xã hội chủ nghĩa. Lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, các cuộc kháng chiến, cách mạng xã hội chủ nghĩa phải vượt qua nhiều nguy cơ, khó khăn, thách thức, trong đó có cả khuyết điểm, yếu kém ở mỗi thời kỳ. Đảng đã kiên cường cùng toàn dân vượt qua, quyết tâm sửa chữa khuyết điểm, thực hiện thành công sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Nhận thức rõ hơn những truyền thống vẻ vang của Đảng.

Hiểu rõ những vấn đề xây dựng Đảng trong lịch sử để vận dụng những kinh nghiệm để làm tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay. Chống nguy cơ sai lầm về đường lối, nguy cơ quan liêu, tham nhũng, xa rời quần chúng và những biểu hiện tiêu cực khác. Thực hiện tốt hơn Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII (30/10/2016) *Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ*.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, *là cả một pho lịch sử bằng vàng*. Đó chính là tính khoa học, giá trị thực tiễn sâu sắc trong Cương lĩnh, đường lối của Đảng; là sự lãnh đạo đúng đắn, đáp ứng kịp thời những yêu cầu, nhiệm vụ do lịch sử đặt ra; những kinh nghiệm, bài học quý báu có tính quy luật, lý luận của cách mạng Việt Nam và những truyền thống vẻ vang của Đảng. Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng không chỉ nắm vững những sự kiện, cột mốc lịch sử mà cần thấu hiểu những vấn đề phong phú đó trong quá trình lãnh đạo và đấu tranh, để vận dụng, phát triển trong thời kỳ đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Mục tiêu của nghiên cứu, học tập môn học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là nâng cao nhận thức, hiểu biết về Đảng Cộng sản Việt Nam – đội tiên phong lãnh đạo cách mạng Việt Nam đưa đến những thắng lợi, thành tựu có ý nghĩa lịch sử to lớn trong sự phát triển của lịch sử dân tộc. Qua học tập, nghiên cứu lịch sử Đảng để giáo dục lý tưởng, truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng và dân tộc, củng cố, bồi đắp niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng, tự hào về Đảng và thể hệ trẻ gia nhập Đảng, tham gia xây dựng Đảng ngày càng vững mạnh, tiếp tục thực hiện sứ mệnh vẻ vang của Đảng lãnh đạo bảo vệ vững chắc Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Chương 1

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1939 – 1945)

Mục tiêu

Về kiến thức

Cung cấp cho sinh viên những tri thức có tính hệ thống quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 – 1930), nội dung cơ bản, giá trị lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930 – 1945).

Về tư tưởng

Cung cấp cơ sở lịch sử, góp phần củng cố niềm tin của thế hệ trẻ vào con đường cách mạng giải phóng dân tộc và phát triển đất nước – sự lựa chọn đúng đắn, tất yếu, khách quan của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đầu dựng Đảng.

Về kỹ năng

Từ việc nhận thức lịch sử thời kỳ đầu dựng Đảng, góp phần trang bị cho sinh viên phương pháp nhận thức biện chứng, khách quan về quá trình Đảng ra đời và vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xác lập chính quyền cách mạng.

I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

1. Bối cảnh lịch sử

a. Tình hình thế giới cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

Từ nửa sau thế kỷ XIX, các nước tư bản Âu – Mỹ có những chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống kinh tế – xã hội. Chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển nhanh từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền (giai đoạn đế quốc chủ nghĩa), đẩy mạnh quá trình xâm chiếm và nô dịch các nước nhỏ, yếu ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ – Latinh, biến các quốc gia này thành thuộc địa của các nước đế quốc. Trước bối cảnh đó, nhân dân các dân tộc bị áp bức đã đứng lên đấu tranh tự giải phóng khỏi ách thực dân, đế quốc, tạo thành phong trào giải phóng dân tộc mạnh mẽ, rộng khắp, nhất là ở châu Á. Cùng với phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản ở các nước tư bản chủ nghĩa, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa trở thành một bộ phận quan trọng trong cuộc đấu tranh chung chống tư bản, thực dân. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á đầu thế kỷ XX phát triển rộng khắp, tác động mạnh mẽ đến phong trào yêu nước Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đã làm biến đổi sâu sắc tình hình thế giới. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga không chỉ có ý nghĩa to lớn đối với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản đối với các nước tư bản, mà còn có tác động sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Tháng 3/1919, Quốc tế Cộng sản, do V. I. Lênin đứng đầu, được thành lập, trở thành bộ tham mưu chiến đấu, tổ chức lãnh đạo phong trào cách mạng vô sản thế giới. Quốc tế Cộng sản không những vạch đường hướng chiến lược cho cách mạng vô sản mà cả đối với các vấn đề dân tộc và thuộc địa, giúp đỡ, chỉ đạo phong trào giải phóng dân tộc. Cùng với việc nghiên cứu và hoàn thiện chiến lược và sách lược về vấn đề dân tộc và thuộc địa, Quốc tế Cộng sản đã tiến hành hoạt động truyền bá tư tưởng cách mạng vô sản và thúc đẩy phong trào đấu tranh ở khu vực này đi theo khuynh hướng vô sản. Đại hội II của Quốc tế Cộng sản (1920) đã thông qua luận cương về dân tộc và thuộc địa do V. I. Lênin khởi xướng. Cách mạng tháng Mười và những hoạt động cách mạng của Quốc tế Cộng sản đã ảnh hưởng mạnh mẽ và thúc tỉnh phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, trong đó có Việt Nam và Đông Dương.

b. Tình hình Việt Nam và các phong trào yêu nước trước khi có Đảng

Là quốc gia Đông Nam Á nằm ở vị trí địa chính trị quan trọng của châu Á, Việt Nam trở thành đối tượng nằm trong mưu đồ xâm lược của thực dân Pháp trong cuộc chạy đua với nhiều đế quốc khác. Sau một quá trình điều tra thám sát lâu dài, thâm nhập kiên trì của các giáo sĩ và thương nhân Pháp, ngày 01/9/1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam tại Đà Nẵng và từ đó từng bước thôn tính Việt Nam. Đó là thời điểm chế độ phong kiến Việt Nam (dưới triều đại phong kiến nhà Nguyễn) đã lâm vào giai đoạn khủng hoảng trầm trọng. Trước hành động xâm lược của Pháp, triều đình nhà Nguyễn từng bước thỏa hiệp (Hiệp ước 1862, 1874, 1883) và đến ngày 06/6/1884 với

Hiệp ước Patenotre đã đầu hàng hoàn toàn thực dân Pháp, Việt Nam trở thành "một xứ thuộc địa, dân ta là vong quốc nô, Tổ quốc ta bị giày xéo dưới gót sắt của kẻ thù hung ác"¹.

Tuy triều đình nhà Nguyễn đã đầu hàng thực dân Pháp, nhưng nhân dân Việt Nam vẫn không chịu khuất phục, thực dân Pháp dùng vũ lực để bình định, đàn áp sự nổi dậy của nhân dân. Đồng thời với việc dùng vũ lực đàn áp đẫm máu đối với các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam, thực dân Pháp tiến hành xây dựng hệ thống chính quyền thuộc địa, bên cạnh đó vẫn duy trì chính quyền phong kiến bản xứ làm tay sai. Pháp thực hiện chính sách "chia để trị" nhằm phá vỡ khối đoàn kết cộng đồng quốc gia dân tộc: chia ba kỳ (Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ) với các chế độ chính trị khác nhau nằm trong *Liên bang Đông Dương thuộc Pháp* (Union Indochinoise)² được thành lập ngày 17/10/1887 theo sắc lệnh của Tổng thống Pháp.

Từ năm 1897, thực dân Pháp bắt đầu tiến hành các cuộc khai thác thuộc địa lớn: Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 – 1914) do Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer thực hiện và Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919 – 1929). Mục đích của thực dân Pháp nhằm biến Việt Nam nói riêng và Đông Dương nói chung thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của "chính quốc", đồng thời ra sức vơ vét tài nguyên, bóc lột sức lao động rẻ mạt của người bản xứ, cùng nhiều hình thức thuế khóa nặng nề.

Chế độ cai trị, bóc lột hà khắc của thực dân Pháp đối với nhân dân Việt Nam là "chế độ độc tài chuyên chế nhất, nó vô cùng khắt khe và khủng khiếp hơn cả chế độ chuyên chế của nhà nước quân chủ châu Á thời xưa"³. Năm 1862, Pháp đã lập nhà tù ở Côn Đảo để giam cầm những người Việt Nam yêu nước chống Pháp.

Về văn hóa – xã hội, thực dân Pháp thực hiện chính sách "ngu dân" để dễ cai trị, lập nhà tù nhiều hơn trường học, đồng thời du nhập những giá trị phản văn hóa, duy trì tệ nạn xã hội vốn có của chế độ phong kiến và tạo nên nhiều tệ nạn xã hội mới, dùng rượu cồn và thuốc phiện để đầu độc các thế hệ người Việt Nam, ra sức tuyên truyền tư tưởng "khai hóa văn minh" của nước Đại Pháp ...

Chế độ áp bức về chính trị, bóc lột về kinh tế, nô dịch về văn hóa của thực dân Pháp đã làm biến đổi tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam. Các giai cấp cũ phân hóa, giai cấp, tầng lớp mới xuất hiện với địa vị kinh tế khác nhau và do đó cũng có thái độ chính trị khác nhau đối với vận mệnh dân tộc.

Dưới chế độ phong kiến, giai cấp địa chủ và nông dân là hai giai cấp cơ bản trong xã hội, khi Việt Nam trở thành thuộc địa của Pháp, giai cấp địa chủ bị phân hóa.

Một bộ phận địa chủ câu kết với thực dân Pháp và làm tay sai đắc lực cho Pháp trong việc ra sức đàn áp phong trào yêu nước và bóc lột nông dân; một bộ phận khác nêu cao tinh thần dân tộc khởi xướng và lãnh đạo các phong trào chống Pháp và bảo vệ chế độ phong kiến, tiêu biểu là phong trào Cần vương; một số trở thành lãnh đạo phong trào nông dân chống thực dân Pháp và phong kiến phản động; một bộ phận nhỏ chuyển sang kinh doanh theo lối tư bản.

Giai cấp nông dân chiếm số lượng đông đảo nhất (khoảng hơn 90% dân số), đồng thời là một giai cấp bị phong kiến, thực dân bóc lột nặng nề nhất. Do vậy, ngoài mâu thuẫn giai cấp vốn có với giai cấp địa chủ, từ khi thực dân Pháp xâm lược, giai cấp nông dân còn có mâu thuẫn sâu sắc với thực dân xâm lược. "Tinh thần cách mạng của nông dân không chỉ gắn liền với ruộng đất, với đời sống hằng ngày của họ, mà còn gắn bó một

¹Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Vol. 12. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 401.

²Bao gồm: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Cao Miên, Ai Lao

³Bài đăng của Phan Văn Trường trên tờ *La Cloché Félée* (Tiếng chuông rè), số 36, ngày 21/1/1926

cách sâu sắc với tình cảm quê hương, đất nước, với nền văn hóa hàng nghìn năm của dân tộc"¹. Đây là lực lượng hùng hậu, có tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất cho nền độc lập tự do của dân tộc và khao khát giành lại ruộng đất cho dân cày, khi có lực lượng tiên phong lãnh đạo, giai cấp nông dân sẵn sàng vùng dậy làm cách mạng lật đổ thực dân phong kiến.

Giai cấp công nhân Việt Nam được hình thành gắn với các cuộc khai thác thuộc địa, với việc thực dân Pháp thiết lập các nhà máy, xí nghiệp, công xưởng, khu đồn điền, ... Ngoài những đặc điểm của giai cấp công nhân quốc tế, giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm riêng vì ra đời trong hoàn cảnh một nước thuộc địa nửa phong kiến, chủ yếu xuất thân từ nông dân, cơ cấu chủ yếu là công nhân khai thác mỏ, đồn điền, lực lượng còn nhỏ bé², nhưng sớm vươn lên tiếp nhận tư tưởng tiên tiến của thời đại, nhanh chóng phát triển từ "tự phát" đến "tự giác", thể hiện là giai cấp có năng lực lãnh đạo cách mạng.

Giai cấp tư sản Việt Nam xuất hiện muộn hơn giai cấp công nhân. Một bộ phận gắn liền lợi ích với tư bản Pháp, tham gia vào đời sống chính trị, kinh tế của chính quyền thực dân Pháp, trở thành tầng lớp tư sản mại bản. Một bộ phận là giai cấp tư sản dân tộc, họ bị thực dân Pháp chèn ép, kìm hãm, bị lệ thuộc, yếu ớt về kinh tế. Vì vậy, phần lớn tư sản dân tộc Việt Nam có tinh thần dân tộc, yêu nước nhưng không có khả năng tập hợp các giai tầng để tiến hành cách mạng.

Tầng lớp tiểu tư sản (tiểu thương, tiểu chủ, sinh viên, ...) bị đế quốc, tư bản chèn ép, khinh miệt, do đó có tinh thần dân tộc, yêu nước và rất nhạy cảm về chính trị và thời cuộc. Tuy nhiên, do địa vị kinh tế bấp bênh, thái độ hay dao động, thiếu kiên định, do đó tầng lớp tiểu tư sản không thể lãnh đạo cách mạng.

Các sĩ phu phong kiến cũng có sự phân hóa. Một bộ phận hướng sang tư tưởng dân chủ tư sản hoặc tư tưởng vô sản. Một số người khởi xướng các phong trào yêu nước có ảnh hưởng lớn.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Việt Nam đã có sự biến đổi rất quan trọng cả về chính trị, kinh tế, xã hội. Chính sách cai trị và khai thác bóc lột của thực dân Pháp đã làm phân hóa những giai cấp vốn là của chế độ phong kiến (địa chủ, nông dân), đồng thời tạo nên những giai cấp, tầng lớp mới (công nhân, tư sản dân tộc, tiểu tư sản) với thái độ chính trị khác nhau. Những mâu thuẫn mới trong xã hội Việt Nam xuất hiện. Trong đó, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và phong kiến phản động trở thành mâu thuẫn chủ yếu nhất và ngày càng gay gắt.

Trong bối cảnh đó, những luồng tư tưởng ở bên ngoài: tư tưởng Cách mạng tư sản Pháp 1789, phong trào Duy tân Nhật Bản năm 1868, cuộc vận động Duy tân tại Trung Quốc năm 1898, Cách mạng Tân Hợi của Trung Quốc năm 1911, ... đặc biệt là Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đã tác động mạnh mẽ, làm chuyển biến phong trào yêu nước những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Năm 1919, trên chiến hạm của Pháp ở Hắc Hải (Biển Đen), Tôn Đức Thắng tham gia đấu tranh chống việc can thiệp vào nước Nga Xô viết. Năm 1923, luật sư Phan Văn Trường từ Pháp về nước và ông công bố tác phẩm của C. Mác và Ph. Ăngghen: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (The Manifesto of the Communist Party) trên báo *La Cloché Félée*, từ số ra ngày 29/3 đến 20/4/1926, tại Sài Gòn, góp phần tuyên truyền tư tưởng vô sản ở Việt Nam.

¹Lê Duẩn. *Giai cấp công nhân Việt Nam và liên minh công nông*. Hà Nội: NXB Sự thật, 1976, tr. 119.

²Số lượng công nhân đến trước chiến tranh thế giới thứ nhất (1913) có khoảng 10 vạn người; đến cuối năm 1929, số công nhân Việt Nam là hơn 22 vạn người, chiếm trên 1.2% dân số.

c. Các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam trước khi có Đảng

Ngay từ khi Pháp xâm lược, các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp với tinh thần quật cường, bảo vệ nền độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam đã diễn ra liên tục, rộng khắp.

Đến năm 1884, mặc dù triều đình phong kiến nhà Nguyễn đã đầu hàng, nhưng một bộ phận phong kiến yêu nước đã cùng với nhân dân vẫn tiếp tục đấu tranh vũ trang chống Pháp.

Đó là phong trào Cần vương do vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết khởi xướng (1885 – 1896). Hưởng ứng lời kêu gọi Cần vương cứu nước, các cuộc khởi nghĩa Ba Đình (Thanh Hóa), Bãi Sậy (Hưng Yên), Hương Khê (Hà Tĩnh), ... diễn ra sôi nổi và thể hiện tinh thần quật cường chống ngoại xâm của các tầng lớp nhân dân. Nhưng ngọn cờ phong kiến lúc đó không còn là ngọn cờ tiêu biểu để tập hợp một cách rộng rãi, toàn thể các tầng lớp nhân dân, không có khả năng liên kết các trung tâm kháng Pháp trên toàn quốc nữa. Cuộc khởi nghĩa của Phan Đình Phùng thất bại (1896) cũng là mốc chấm dứt vai trò lãnh đạo của giai cấp phong kiến đối với phong trào yêu nước chống thực dân Pháp ở Việt Nam. Đầu thế kỷ XX, vua Thành Thái và vua Duy Tân tiếp tục đấu tranh chống Pháp, trong đó có khởi nghĩa của vua Duy Tân (5/1916).

Vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, ở vùng miền núi và trung du phía Bắc, *phong trào nông dân Yên Thế* (Bắc Giang) dưới sự lãnh đạo của vị thủ lĩnh nông dân Hoàng Hoa Thám, nghĩa quân đã xây dựng lực lượng chiến đấu, lập căn cứ và đấu tranh kiên cường chống thực dân Pháp. Nhưng phong trào của Hoàng Hoa Thám vẫn mang nặng "cốt cách phong kiến", không có khả năng mở rộng hợp tác và thống nhất tạo thành một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, cuối cùng cũng bị thực dân Pháp đàn áp.

Từ những năm đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước Việt Nam chịu ảnh hưởng, tác động của *trào lưu dân chủ tư sản*, tiêu biểu là xu hướng bạo động của Phan Bội Châu, xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh và sau đó là phong trào tiểu tư sản trí thức của tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng (12/1927 – 2/1930) đã tiếp tục diễn ra rộng khắp các tỉnh Bắc Kỳ, nhưng tất cả đều không thành công.

Xu hướng bạo động do Phan Bội Châu tổ chức, lãnh đạo: với chủ trương tập hợp lực lượng với phương pháp bạo động chống Pháp, xây dựng chế độ chính trị như ở Nhật Bản, phong trào theo xu hướng này tổ chức đưa thanh niên yêu nước Việt Nam sang Nhật Bản học tập (gọi là phong trào *Đông du*). Đến năm 1908, Chính phủ Nhật Bản câu kết với thực dân Pháp trục xuất lưu học sinh Việt Nam và những người đứng đầu. Sau khi phong trào Đông du thất bại, năm 1912, Phan Bội Châu thành lập tổ chức *Việt Nam Quang phục Hội* với tôn chỉ là vũ trang đánh đuổi thực dân Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước cộng hòa dân quốc Việt Nam. Nhưng chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội lại thiếu rõ ràng. Cuối năm 1913, Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt giam tại Trung Quốc cho tới đầu năm 1917 và sau này bị quản chế tại Huế cho đến khi ông mất (1940). Ảnh hưởng xu hướng bạo động của tổ chức *Việt Nam Quang phục Hội* đối với phong trào yêu nước Việt Nam đến đây chấm dứt.

Xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh: Phan Châu Trinh và những người cùng chí hướng muốn giành độc lập cho dân tộc nhưng không đi theo con đường bạo động như Phan Bội Châu, mà chủ trương cải cách đất nước. Phan Châu Trinh cho rằng "bất bạo động, bạo động tắc tử"; phải "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh", phải bãi bỏ chế độ quân chủ, thực hiện dân quyền, khai thông dân trí, mở mang thực nghiệp. Để

thực hiện được chủ trương ấy, Phan Châu Trinh đã đề nghị Nhà nước "bảo hộ" Pháp tiến hành cải cách. Đó chính là sự hạn chế trong xu hướng cải cách để cứu nước, vì Phan Châu Trinh đã "đặt vào lòng độ lượng của Pháp cái hi vọng cải tử hoàn sinh cho nước Nam, ... Cụ không rõ bản chất của đế quốc thực dân"¹. Do vậy, khi phong trào Duy tân lan rộng khắp cả Trung Kỳ và Nam Kỳ, đỉnh cao là vụ chống thuế ở Trung Kỳ (1908), thực dân Pháp đã đàn áp dã man, giết hại nhiều sĩ phu và nhân dân tham gia biểu tình. Nhiều sĩ phu bị bắt, bị đày đi Côn Đảo, trong đó có Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cẩn, ... Phong trào chống thuế ở Trung Kỳ bị thực dân Pháp dập tắt, cùng với sự kiện tháng 12/1907, thực dân Pháp ra lệnh đóng cửa Trường Đông Kinh Nghĩa Thục² phản ánh sự kết thúc xu hướng cải cách trong phong trào cứu nước của Việt Nam.

Phong trào của tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng: khi thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa lần thứ hai, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp càng trở nên gay gắt, các giai cấp, tầng lớp mới trong xã hội Việt Nam đều bước lên vũ đài chính trị. Trong đó, hoạt động có ảnh hưởng rộng và thu hút nhiều học sinh, sinh viên yêu nước ở Bắc Kỳ là tổ chức *Việt Nam Quốc dân Đảng* do Nguyễn Thái Học lãnh đạo. Trên cơ sở các tổ chức yêu nước của tiểu tư sản trí thức, Việt Nam Quốc dân Đảng được chính thức thành lập tháng 12/1927 ở Bắc Kỳ.

Mục đích của Việt Nam Quốc dân Đảng là đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập dân tộc, xây dựng chế độ cộng hòa tư sản, với phương pháp đấu tranh vũ trang nhưng theo lối manh động, ám sát cá nhân và lực lượng chủ yếu là binh lính, sinh viên. Cuộc khởi nghĩa nổ ra ở một số tỉnh, chủ yếu và mạnh nhất là ở Yên Bái (2/1930), tuy oanh liệt nhưng nhanh chóng bị thất bại. Sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái của tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng đã thể hiện là "... một cuộc bạo động bất đắc dĩ, một cuộc bạo động non, để rồi chết luôn không bao giờ ngóc đầu lên noiro. Khẩu hiệu "không thành công thì thành nhân" biểu lộ tính chất hấp tấp tiểu tư sản, tính chất hăng hái nhất thời và đồng thời cũng biểu lộ tính chất không vững chắc, non yếu của phong trào tư sản"³.

Vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, tiếp tục truyền thống yêu nước, bất khuất kiên cường chống ngoại xâm, các phong trào yêu nước theo ngọn cờ phong kiến, ngọn cờ dân chủ tư sản của nhân dân Việt Nam đã diễn ra quyết liệt, liên tục và rộng khắp. Dù với nhiều cách thức tiến hành khác nhau, song đều hướng tới mục tiêu giành độc lập cho dân tộc. Tuy nhiên, "các phong trào cứu nước từ lập trường Cần vương đến lập trường tư sản, tiểu tư sản qua khảo nghiệm lịch sử đều lần lượt thất bại"⁴. Nguyên nhân thất bại của các phong trào đó là do thiếu đường lối chính trị đúng đắn để giải quyết triệt để những mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu của xã hội, chưa có một tổ chức vững mạnh để tập hợp, giác ngộ và lãnh đạo toàn dân tộc, chưa xác định được phương pháp đấu tranh thích hợp để đánh đổ kẻ thù.

Các phong trào yêu nước ở Việt Nam cho đến những năm 20 của thế kỷ XX đều thất

¹Trần Văn Giàu. *Sự phát triển tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám – Hệ ý thức tư sản và sự thất bại của nó trước nhiệm vụ lịch sử*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội, 1975, tr. 442.

²Trường Đông Kinh Nghĩa Thục do Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Hoàng Tăng Bí, ... thành lập ở Hà Nội, nhằm truyền bá tư tưởng dân chủ, tự do tư sản, nâng cao lòng tự tôn dân tộc cho thanh niên Việt Nam.

³Lê Duẩn. *Một vài đặc điểm của cách mạng Việt Nam*. Hà Nội: NXB Sự thật, 1959, tr. 41.

⁴Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Vol. 51. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2007, tr. 14.

bại, nhưng đã góp phần cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân, bồi đắp thêm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, đặc biệt góp phần thúc đẩy những nhà yêu nước, nhất là lớp thanh niên tri thức tiên tiến chọn lựa một con đường mới, một giải pháp cứu nước, giải phóng dân tộc theo xu thế của thời đại. Nhiệm vụ lịch sử cấp thiết đặt ra cho thế hệ yêu nước đương thời là cần phải có một tổ chức cách mạng tiên phong, có đường lối cứu nước đúng đắn để giải phóng dân tộc.

2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng

a. Khái quát quá trình tìm đường cứu nước

Trước yêu cầu cấp thiết giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, với nhiệt huyết cứu nước, với nhãn quan chính trị sắc bén, vượt lên trên hạn chế của các bậc yêu nước đương thời, năm 1911, Nguyễn Tất Thành quyết định ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Qua trải nghiệm thực tế ở nhiều nước, Người đã nhận thức được một cách rạch ròi rằng: "dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có *hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột*", từ đó xác định rõ kẻ thù và lực lượng đồng minh của nhân dân các dân tộc bị áp bức.

Năm 1917, thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga đã tác động mạnh mẽ tới nhận thức của Nguyễn Tất Thành – đây là cuộc "cách mạng đến nơi". Người từ nước Anh trở lại nước Pháp và tham gia các hoạt động chính trị hướng về tìm hiểu con đường Cách mạng tháng Mười Nga, về V. I. Lênin.

Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành tham gia Đảng Xã hội Pháp, một chính đảng tiến bộ nhất lúc đó ở Pháp. Tháng 6/1919, tại Hội nghị của các nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất họp ở Versailles (Pháp), Tổng thống Mỹ Woodrow Wilson tuyên bố bảo đảm về quyền dân tộc tự quyết cho các nước thuộc địa. Nguyễn Tất Thành lấy tên là Nguyễn Ái Quốc thay mặt *Hội những người An Nam yêu nước* ở Pháp gửi tới Hội nghị bản Yêu sách của nhân dân An Nam (gồm tám điểm đòi quyền tự do cho nhân dân Việt Nam) ngày 18/6/1919. Nhóm người Việt Nam tiêu biểu cho tinh thần yêu nước ở Pháp, gồm: Phan Châu Trinh, Nguyễn An Ninh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn Ái Quốc. Những yêu sách đó dù không được Hội nghị đáp ứng, nhưng sự kiện này đã tạo nên tiếng vang lớn trong dư luận quốc tế và Nguyễn Ái Quốc càng hiểu rõ hơn bản chất của đế quốc, thực dân.

Tháng 7/1920, Người đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V. I. Lênin đăng trên báo *L'Humanite* (Nhân đạo), số ra ngày 16 và 17/7/1920. Những luận điểm của V. I. Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa đã giải đáp những vấn đề cơ bản và chỉ dẫn hướng phát triển của sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc. Lý luận của V. I. Lênin và lập trường đúng đắn của Quốc tế Cộng sản về cách mạng giải phóng các dân tộc thuộc địa là cơ sở để Nguyễn Ái Quốc xác định thái độ ủng hộ việc gia nhập Quốc tế Cộng sản tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp (12/1920) tại thành phố Tour. Tại Đại hội này, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản do V. I. Lênin thành lập).

Ngay sau đó, Nguyễn Ái Quốc cùng với những người vừa bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản đã tuyên bố thành lập *Phân bộ Pháp của Quốc tế Cộng sản* – tức là Đảng Cộng sản Pháp. Với sự kiện này, Nguyễn Ái Quốc trở thành một trong những sáng lập viên của Đảng Cộng sản Pháp và là người cộng sản đầu tiên của Việt Nam, đánh dấu

bước chuyển biến quyết định trong tư tưởng và lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc. Trong những năm 1919 – 1921, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp Albert Sarraut nhiều lần gặp Nguyễn Ái Quốc mua chuộc và đe dọa. Ngày 30/6/1923, Nguyễn Ái Quốc tới Liên Xô và làm việc tại Quốc tế Cộng sản ở Moscow, tham gia nhiều hoạt động, đặc biệt là dự và đọc tham luận tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản (17/6 – 07/8/1924), làm việc trực tiếp ở Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản.

Sau khi xác định được con đường cách mạng đúng đắn, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục khảo sát, tìm hiểu để hoàn thiện nhận thức về đường lối cách mạng vô sản, đồng thời tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin về Việt Nam.

b. Chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng

Về tư tưởng

Từ giữa năm 1921 tại Pháp, cùng một số nhà cách mạng của các nước thuộc địa khác, Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Hội liên hiệp thuộc địa, sau đó sáng lập ra tờ báo *Le Paria* (Người cùng khổ). Người viết nhiều bài trên các báo *Nhân đạo*, *Đời sống công nhân*, *Tạp chí Cộng sản*, *Tập san Thư tín quốc tế*, ...

Năm 1922, *Ban Nghiên cứu thuộc địa* của Đảng Cộng sản Pháp được thành lập, Nguyễn Ái Quốc được cử làm Trưởng Tiểu ban Nghiên cứu về Đông Dương. Vừa nghiên cứu lý luận, vừa tham gia hoạt động thực tiễn trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, dưới nhiều phương thức phong phú, Nguyễn Ái Quốc tích cực tố cáo, lên án bản chất áp bức, bóc lột, nô dịch của chủ nghĩa thực dân đối với nhân dân các nước thuộc địa và kêu gọi, thức tỉnh nhân dân bị áp bức đấu tranh giải phóng. Người chỉ rõ bản chất của chủ nghĩa thực dân, xác định chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới. Đồng thời, Người tiến hành tuyên truyền tư tưởng về con đường cách mạng vô sản, con đường cách mạng theo *lý luận Mác – Lênin*, xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa những người cộng sản và nhân dân lao động Pháp với các nước thuộc địa và phụ thuộc.

Năm 1927, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: "Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy"¹. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng giống như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Phải truyền bá tư tưởng vô sản, lý luận Mác – Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

Về chính trị

Xuất phát từ thực tiễn cách mạng thế giới và đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, kế thừa và phát triển quan điểm của V. I. Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đưa ra những luận điểm quan trọng về cách mạng giải phóng dân tộc. Người khẳng định rằng, con đường cách mạng của các dân tộc bị áp bức là *giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc*; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản. Đường lối chính trị của Đảng cách mạng phải hướng tới giành độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho đồng bào, hướng tới xây dựng nhà nước mang lại quyền và lợi ích cho nhân dân.

¹Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Vol. 2. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 289.

Nguyễn Ái Quốc xác định cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới; giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa với cách mạng vô sản ở "chính quốc" có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau, nhưng cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở "chính quốc" mà có thể thành công trước cách mạng vô sản ở "chính quốc", góp phần tích cực thúc đẩy cách mạng vô sản ở "chính quốc".

Đối với các dân tộc thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ: trong nước nông nghiệp lạc hậu, nông dân là lực lượng đông đảo nhất, bị đế quốc, phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề, vì vậy phải thu phục và lôi cuốn được nông dân, phải xây dựng khối liên minh công nông làm động lực cách mạng: "công nông là gốc của cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ, ... là bầu bạn cách mệnh của công nông"¹. Do vậy, Người xác định rằng, cách mạng "là việc chung của cả dân chúng chứ không phải là việc của một hai người"².

Về vấn đề Đảng Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: "Cách mạng trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cugn như người cầm lái có vững thuyền mới chạy"³.

Phong trào "vô sản hóa" do Kỳ bộ Bắc Kỳ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phát động từ ngày 29/9/1928 đã góp phần truyền bá tư tưởng vô sản, rèn luyện cán bộ và xây dựng phát triển tổ chức của công nhân.

Về tổ chức

Sau khi lựa chọn con đường cứu nước – con đường cách mạng vô sản – cho dân tộc Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc thực hiện "lộ trình" "đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập"⁴. Vì vậy, sau một thời gian hoạt động ở Liên Xô để tìm hiểu, khảo sát thực tế về cách mạng vô sản, tháng 11/1924, Người đến Quảng Châu (Trung Quốc) – nơi có đông người Việt Nam yêu nước hoạt động – để xúc tiến các công việc về tổ chức thành lập đảng cộng sản. Tháng 2/1925, Người lựa chọn một số thanh niên tích cực trong *Tâm tâm xã*, lập ra nhóm *Cộng sản đoàn*.

Tháng 6/1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* tại Quảng Châu (Trung Quốc), nòng cốt là Cộng sản đoàn. Hội đã công bố chương trình, điều lệ của Hội, mục đích: để làm cách mệnh dân tộc (đập tan bọn Pháp và giành độc lập cho xứ sở) rồi sau đó làm cách mạng thế giới (lật đổ chủ nghĩa đế quốc và thực hiện chủ nghĩa cộng sản). Hệ thống tổ chức của Hội gồm 5 cấp: trung ương bộ, kỳ bộ, tỉnh bộ hay thành bộ, huyện bộ và chi bộ. Tổng bộ là cơ quan lãnh đạo cao nhất giữa hai kỳ đại hội. Trụ sở đặt tại Quảng Châu.

Hội đã xuất bản tờ báo *Thanh niên* (do Nguyễn Ái Quốc sáng lập và trực tiếp chỉ đạo), tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của Hội, tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lênin và phương hướng phát triển của cuộc vận động giải phóng dân tộc Việt Nam. Báo in bằng tiếng Việt và ra hàng tuần, mỗi số in khoảng 100 bản. Ngày 21/6/1925 ra số đầu tiên,

¹Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Vol. 2. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 288.

²Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Vol. 2. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 283.

³Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Vol. 2. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 289.

⁴Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Vol. 1. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 209.

đến tháng 4/1927, báo do Nguyễn Ái Quốc phụ trách và ra được 88 số. Sau khi Nguyễn Ái Quốc rời Quảng Châu (4/1927) đi Liên Xô, những đồng chí khác trong Tổng bộ vẫn tiếp tục việc xuất bản và hoạt động cho đến tháng 2/1930 với 202 số (từ số 89 trở đi, trụ sở báo chuyển về Thượng Hải). Một số lượng lớn báo Thanh niên được bí mật đưa về nước và tới các trung tâm phong trào yêu nước của người Việt Nam ở nước ngoài. Báo *Thanh niên* đánh dấu sự ra đời của báo chí cách mạng Việt Nam.

Sau khi thành lập, Hội tổ chức các lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách, phái người về nước vận động, lựa chọn và đưa một số thanh niên tích cực sang Quảng Châu để đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị. Từ giữa năm 1925 đến tháng 4/1927, Hội đã tổ chức được trên 10 lớp huấn luyện tại nhà số 13 và 13B đường Văn Minh, Quảng Châu (nay là nhà số 248 và 250). Sau khi được đào tạo, các hội viên được cử về nước xây dựng và phát triển phong trào cách mạng theo khuynh hướng vô sản. Trong số học viên được đào tạo ở Quảng Châu, có nhiều đồng chí được cử đi học trường Đại học Cộng sản Phương Đông (Liên Xô) và trường Quân chính Hoàng Phố (Trung Quốc).

Sau sự biến chính trị ở Quảng Châu (4/1927), Nguyễn Ái Quốc trở lại Moscow và sau đó được Quốc tế Cộng sản cử đi công tác ở nhiều nước châu Âu. Năm 1928, Người trở về châu Á và hoạt động ở Xiêm (tức Thái Lan).

Các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc trong các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho những người Việt Nam yêu nước tại Quảng Châu, được *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông* xuất bản thành cuốn *Đường cách mệnh*. Đây là cuốn sách chính trị đầu tiên của cách mạng Việt Nam, trong đó tầm quan trọng của lý luận cách mạng được đặt ở vị trí hàng đầu đối với cuộc vận động cách mạng và đối với đảng cách mạng tiên phong. *Đường cách mệnh* xác định rõ con đường, mục tiêu, lực lượng và phương pháp đấu tranh của cách mạng. Tác phẩm thể hiện tư tưởng nổi bật của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc dựa trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào đặc điểm của Việt Nam. Những điều kiện về tư tưởng, lý luận, chính trị và tổ chức để thành lập Đảng đã được thể hiện rõ trong tác phẩm.

Ở trong nước, từ đầu năm 1926, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã bắt đầu phát triển cơ sở ở trong nước, đến đầu năm 1927, các kỳ bộ được thành lập. Hội còn chú trọng xây dựng cơ sở trong Việt kiều ở Xiêm (Thái Lan). Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên chưa phải là chính đảng cộng sản, nhưng chương trình hành động đã thể hiện quan điểm, lập trường của giai cấp công nhân, là tổ chức tiền thân dẫn tới ra đời các tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Hội là tổ chức trực tiếp truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam và cũng là sự chuẩn bị quan trọng về tổ chức để tiến tới thành lập chính đảng của giai cấp công nhân ở Việt Nam. Những hoạt động của Hội có ảnh hưởng và thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển biến của phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam những năm 1928 – 1929 theo xu hướng cách mạng vô sản. Đó là tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

a. Các tổ chức cộng sản ra đời

Với sự nỗ lực cố gắng truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc và những hoạt động tích cực của các cấp bộ trong tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên trên cả nước đã có tác dụng thúc đẩy phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản, nâng cao ý thức giác ngộ và lập trường cách mạng của giai cấp công nhân. Những cuộc đấu tranh của thợ thuyền khắp ba kỳ với nhịp độ, quy mô ngày càng lớn, nội dung chính trị ngày càng sâu sắc. Số lượng các cuộc đấu tranh của công nhân những năm 1928 – 1929 tăng gấp 2.5 lần so với 2 năm 1926 – 1927.

Đến năm 1929, trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng Việt Nam, tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên không còn thích hợp và đủ sức lãnh đạo phong trào. Trước tình hình đó, tháng 3/1929, những người lãnh đạo Kỳ bộ Bắc Kỳ (Trần Văn Cung, Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Trịnh Đình Cửu, ...) họp tại số nhà 5D, phố Hàm Long, Hà Nội, quyết định thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam. Ngày 17/6/1929, đại biểu của các tổ chức cộng sản ở Bắc Kỳ họp tại số nhà 312 phố Khâm Thiên (Hà Nội), quyết định thành lập *Đông Dương Cộng sản Đảng*, thông qua Tuyên ngôn, Điều lệ; lấy cờ đỏ búa liềm là Đảng kỳ và quyết định xuất bản báo *Búa liềm* làm cơ quan ngôn luận.

Trước ảnh hưởng của *Đông Dương Cộng sản Đảng*, những thanh niên yêu nước ở Nam Kỳ theo xu hướng cộng sản, lần lượt tổ chức những chi bộ cộng sản. Tháng 11/1929, trên cơ sở các chi bộ cộng sản ở Nam Kỳ, *An Nam Cộng sản Đảng* được thành lập tại Khánh Hội, Sài Gòn, công bố Điều lệ, quyết định xuất bản *Tạp chí Bônsvích*.

Tại Trung Kỳ, Tân Việt Cách mạng Đảng (là một tổ chức thanh niên yêu nước có cả Trần Phú, Nguyễn Thị Minh Khai, ...) chịu tác động mạnh mẽ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên – đã đi theo khuynh hướng cách mạng vô sản. Tháng 9/1929, những người tiên tiến trong Tân Việt Cách mạng Đảng họp bàn việc thành lập *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn* và ra Tuyên đạt, khẳng định: "... những người giác ngộ cộng sản chân chính trong Tân Việt Cách mạng Đảng trình trọng tuyên ngôn cùng toàn thể đảng viên Tân Việt Cách mạng Đảng, toàn thể thợ thuyền dân cày và lao khổ biết rằng chúng tôi đã chánh thức lập ra *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn*... Muốn làm tròn nhiệm vụ thì trước mắt Đông Dương Cộng sản Liên đoàn là một mặt phải xây dựng cơ sở chi bộ của Liên đoàn tức là thực hành cải tổ Tân Việt Cách mạng Đảng thành đoàn thể cách mạng chân chính..."¹. Đến cuối tháng 12/1929, tại Đại hội các đại biểu liên tỉnh tại nhà đồng chí Nguyễn Xuân Thanh – Ủy viên Ban Chấp hành liên tỉnh (ga Chợ Thượng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh), nhất trí quyết định "Bỏ tên gọi Tân Việt. Đặt tên mới là Đông Dương Cộng sản Liên đoàn". Khi đang Đại hội, sợ bị lộ, các đại biểu di chuyển đến địa điểm mới thì bị địch bắt vào sáng ngày 01/1/1930. "Có thể coi những ngày cuối tháng 12/1929 là thời điểm hoàn tất quá trình thành lập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn được khởi đầu từ sự kiện công bố Tuyên đạt tháng 9/1929"².

¹Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Vol. 1. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 1998, tr. 404.

²Viện Lịch sử Đảng – Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. *Lịch sử biên niên Đảng Cộng sản Việt Nam*. Vol. 1. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia, 2007, tr. 404.

Sự ra đời ba tổ chức cộng sản trên cả nước diễn ra trong vòng nửa cuối năm 1929 đã khẳng định bước phát triển về chất của phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản, phù hợp với xu thế và nhu cầu bức thiết của lịch sử Việt Nam. Tuy nhiên, sự ra đời của ba tổ chức cộng sản ở ba miền đều tuyên bố ủng hộ Quốc tế Cộng sản, kêu gọi Quốc tế Cộng sản thừa nhận tổ chức của mình và đều tự nhận là đảng cách mạng chân chính, không tránh khỏi phân tán về lực lượng và thiếu thống nhất về tổ chức trên cả nước.

Sự chuyển biến mạnh mẽ các phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân ngày càng lên cao, nhu cầu thành lập một chính đảng cách mạng có đủ khả năng tập hợp lực lượng toàn dân tộc và đảm nhiệm vai trò lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc ngày càng trở nên bức thiết đối với cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ.

b. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Trước nhu cầu cấp bách của phong trào cách mạng trong nước, với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản, ngày 23/12/1929, Nguyễn Ái Quốc đến Hong Kong (Trung Quốc) triệu tập đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng đến họp tại Cửu Long (Hong Kong), tiến hành Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất của Việt Nam.

Thời gian Hội nghị từ ngày 06/1 đến ngày 07/2/1930. Sau này Đảng quyết nghị lấy ngày 03 tháng 2 dương lịch làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng¹. Trong *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản*, ngày 18/2/1930, Nguyễn Ái Quốc viết: "Chúng tôi họp vào ngày mùng 6-1. Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương, tôi nói cho họ biết những sai lầm và họ phải làm gì. Họ đồng ý thống nhất vào một đảng. Chúng tôi cùng nhau xác định cương lĩnh và chiến lược theo đường lối của Quốc tế Cộng sản... Các đại biểu trở về An Nam ngày 8-2"².

Thành phần dự Hội nghị: gồm 2 đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng (Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh), 2 đại biểu của An Nam Cộng sản Đảng (Châu Văn Liêm và Nguyễn Thiệu), dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc – đại biểu của Quốc tế Cộng sản.

Chương trình nghị sự của Hội nghị:

1. Đại biểu của Quốc tế Cộng sản nói lý do cuộc hội nghị;
2. Thảo luận ý kiến của đại biểu Quốc tế Cộng sản về:
 - (a) Việc hợp nhất tất cả các nhóm cộng sản thành một tổ chức chung, tổ chức này sẽ là một Đảng Cộng sản chân chính;
 - (b) Kế hoạch thành lập tổ chức đó.

Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nêu ra năm điểm lớn cần thảo luận và thống nhất: "

¹Sau này, đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960) quyết nghị: "... từ nay sẽ lấy ngày 3 tháng 2 dương lịch mỗi năm làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng".

²Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Vol. 2. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 1998, tr. 19-20.

1. Bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản Đông Dương;
2. Định tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam;
3. Thảo Chính cương và Điều lệ sơ lược;
4. Định kế hoạch thực hiện việc thống nhất;
5. Cử một Ban Trung ương lâm thời..."¹.

Hội nghị thảo luận, tán thành ý kiến chỉ đạo của Nguyễn Ái Quốc, thông qua các văn kiện quan trọng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo: *Chính cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam*.

Hội nghị xác định rõ tôn chỉ mục đích của Đảng: "Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức ra để lãnh đạo quần chúng lao khổ làm giai cấp tranh đấu để tiêu trừ tư bản đế quốc chủ nghĩa, làm cho thực hiện xã hội cộng sản". Quy trình điều kiện vào Đảng: là những người "tin theo chủ nghĩa cộng sản, chương trình đảng và Quốc tế Cộng sản, hăng hái tranh đấu và dám hi sinh phục tùng mệnh lệnh Đảng và đóng kinh phí, chịu phần đấu trong một bộ phận đảng"².

Hội nghị chủ trương các đại biểu về nước phải cử một Trung ương lâm thời để lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Hệ thống tổ chức Đảng từ chi bộ, huyện bộ, thị bộ hay khu bộ, tỉnh bộ, thành bộ hay đặc biệt bộ và Trung ương.

Ngoài ra, Hội nghị còn quyết định chủ trương xây dựng các tổ chức công hội, nông hội, cứu tế, tổ chức phản đế và xuất bản một tạp chí lý luận và báo tờ báo tuyên truyền của Đảng.

Đến ngày 24/2/1930, việc thống nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất được hoàn thành với Quyết nghị của Lâm thời chấp ủy Đảng Cộng sản Việt Nam, chấp thuận Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc có giá trị như một Đại hội Đảng. Sau Hội nghị, Nguyễn Ái Quốc ra *Lời kêu gọi* nhân dịp thành lập Đảng. Mở đầu *Lời kêu gọi*, Người viết: "Nhận chỉ thị của Quốc tế Cộng sản giải quyết vấn đề cách mạng nước ta, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ".

c. Nội dung cơ bản của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Trong các văn kiện do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng, có hai văn kiện, đó là: *Chính cương vắn tắt của Đảng* và *Sách lược vắn tắt của Đảng*³ đã phản ánh về đường hướng phát triển và những vấn đề cơ bản về

¹Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Vol. 2. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 1998, tr.2.

²Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Vol. 2. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 1998, tr. 7-8.

³Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Vol. 2. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 1998, tr. 2-5.

chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam. Vì vậy, hai văn kiện trên là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam ⁴.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam: Từ việc phân tích thực trạng và mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam – một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam trong đó có công nhân, nông dân với đế quốc ngày càng gay gắt cần phải giải quyết, đi đến xác định đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam "chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản". Như vậy, mục tiêu chiến lược được nêu ra trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng đã làm rõ nội dung của cách mạng thuộc địa nằm trong phạm trù của cách mạng vô sản.

Xác định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam: "Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến", "Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập". Cương lĩnh đã xác định: Chống đế quốc và chống phong kiến là nhiệm vụ cơ bản để giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho dân cày, trong đó chống đế quốc, giành độc lập cho dân tộc được đặt ở vị trí hàng đầu.

Về phương diện xã hội, Cương lĩnh xác định rõ: "a) Dân chúng được tự do tổ chức. b) Nam nữ bình quyền, v.v... c) Phổ thông giáo dục theo công nông hóa". Về phương diện kinh tế, Cương lĩnh xác định: Thủ tiêu hết các thứ quốc trái; thu hết sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v.) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý; thu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo; bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo; mở mang công nghiệp và nông nghiệp; thi hành luật ngày làm tám giờ ... Những nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam về phương diện xã hội và phương diện kinh tế nêu trên vừa phản ánh đúng tình hình kinh tế, xã hội, cần được giải quyết ở Việt Nam, vừa thể hiện tính cách mạng, toàn diện, triệt để là xóa bỏ tận gốc ách thống trị, bóc lột hà khắc của ngoại bang, nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, đặc biệt là giải phóng cho hai giai cấp công nhân và nông dân.

Xác định lực lượng cách mạng: phải đoàn kết công nhân, nông dân – đây là lực lượng cơ bản, trong đó có giai cấp công nhân lãnh đạo; đồng thời chủ trương đoàn kết tất cả các giai cấp, các lực lượng tiến bộ, yêu nước để tập trung chống đế quốc và tay sai. Do vậy, Đảng "phải thu phục được đại bộ phận giai cấp mình", "phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày, hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, ... để kéo họ đi vòa phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập". Đây là cơ sở của tư tưởng chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết rộng rãi các giai cấp, các tầng lớp nhân dân yêu nước và các tổ chức yêu nước, cách mạng, trên cơ sở đánh giá đúng đắn thái độ các giai cấp phù hợp với đặc điểm xã hội Việt Nam.

Xác định phương pháp tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, Cương lĩnh khẳng định phải bằng con đường bạo lực cách mạng của quần chúng, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng không được thỏa hiệp "không khi nào nhượng bộ một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thỏa hiệp". Có sách lược đấu tranh cách mạng thích hợp để lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông về phía giai cấp vô sản, nhưng kiên quyết: "bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến, v.v.) thì phải đánh đổ".

⁴Theo Thông báo Kết luận của Bộ Chính trị số 31-TB/TW, ngày 01/6/2011, về một số vấn đề trong bản thảo *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tập I (1930 – 1954)*

Xác định tinh thần đoàn kết quốc tế, Cương lĩnh chỉ rõ trong khi thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc, đồng thời tranh thủ sự đoàn kết, ủng hộ của các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp. Cương lĩnh nêu rõ cách mạng Việt Nam liên lạc mật thiết và là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới: "trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu nước An Nam độc lập, phải đồng thời tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới". Như vậy, ngay từ khi thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu cao chủ nghĩa quốc tế và mang bản chất quốc tế của giai cấp công nhân.

Xác định vai trò lãnh đạo của Đảng: "Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng"¹. "Đảng là đội tiên phong của quần chúng vô sản gồm một số lớn của giai cấp công nhân và làm cho họ có đủ năng lực lãnh đạo quần chúng"².

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã phản ánh một cách súc tích các luận điểm cơ bản của cách mạng Việt Nam. Trong đó, thể hiện bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ, sáng tạo trong việc đánh giá đặc điểm, tính chất xã hội thuộc địa nửa phong kiến Việt Nam trong những năm 20 của thế kỷ XX, chỉ rõ những mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của dân tộc Việt Nam lúc đó, đặc biệt là việc đánh giá đúng đắn, sát thực thái độ các giai tầng xã hội đối với nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Từ đó, các văn kiện đã xác định đường lối chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam, đồng thời xác định phương pháp cách mạng, nhiệm vụ cách mạng và lực lượng của cách mạng để thực hiện đường lối chiến lược và sách lược đã đề ra.

Như vậy, trước yêu cầu của lịch sử cách mạng Việt Nam cần phải thống nhất các tổ chức cộng sản trong nước, chấm dứt sự chia rẽ bất lợi cho cách mạng, với uy tín chính trị và phương thức hợp nhất phù hợp, Nguyễn Ái Quốc đã kịp thời triệu tập và chủ trì hợp nhất các tổ chức cộng sản. Những văn kiện được thông qua trong Hội nghị hợp nhất dù "vắn tắt", nhưng đã phản ánh những vấn đề cơ bản trước mắt và lâu dài cho cách mạng Việt Nam, đưa cách mạng Việt Nam sang một trang sử mới.

4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt sự khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước, đưa cách mạng Việt Nam sang một bước ngoặt lịch sử vĩ đại: cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản thế giới. Đó là kết quả của sự vận động phát triển và thống nhất của phong trào cách mạng trong cả nước, sự chuẩn bị tích cực, sáng tạo, bản lĩnh của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, sự đoàn kết, nhất trí của những chiến sĩ cách mạng tiên phong vì lợi ích của giai cấp và dân tộc.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đó cũng là kết quả của sự phát triển cao và thống nhất của phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam được soi sáng bởi chủ nghĩa Mác – Lênin. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: *chủ nghĩa Mác – Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng*, "Việc thành lập Đảng là một

¹Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Vol. 2. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 1998, tr. 4.

²Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Vol. 2. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 1998, tr. 6.

bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng"³.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với Cương lĩnh chính trị đầu tiên được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng đã khẳng định lần đầu tiên cách mạng Việt Nam có một bản cương lĩnh chính trị phản ánh được quy luật khách quan của xã hội Việt Nam, đáp ứng những nhu cầu cơ bản và cấp bách của xã hội Việt Nam, phù hợp với xu thế của thời đại, định hướng chiến lược đúng đắn cho tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Đường lối đó là kết quả của sự vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam một cách đúng đắn, sáng tạo và có phát triển trong điều kiện lịch sử mới.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam với Cương lĩnh chính trị đầu tiên đã khẳng định sự lựa chọn con đường cách mạng cho dân tộc Việt Nam – con đường cách mạng vô sản. Con đường duy nhất đúng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Sự lựa chọn con đường cách mạng vô sản phù hợp với nội dung và xu thế của thời đại được mở ra từ Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại: "Đối với nước ta, không còn con đường nào khác để có độc lập dân tộc thật sự và tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Cần nhấn mạnh rằng đây là sự lựa chọn của chính lịch sử, sự lựa chọn đã dứt khoát từ năm 1930 với sự ra đời của Đảng ta"¹.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam, trở thành nhân tố hàng đầu quyết định đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

³Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Vol. 12. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011, tr. 406.

¹Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Vol. 51. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2007, tr. 13-14.

II. Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945)

- 1. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 và khôi phục phong trào 1932 – 1935**
 - a. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 và Luận cương chính trị (10/1930)
 - b. Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương, tháng 10/1930
 - c. Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng, Đại hội Đảng lần thứ nhất (3/1935)
- 2. Phong trào dân chủ 1936 – 1939**
 - a. Điều kiện lịch sử và chủ trương của Đảng
 - b. Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình
- 3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939 – 1945**
 - a. Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược mới của Đảng
 - b. Phong trào chống Pháp – Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang
 - c. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền
- 4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945**
 - a. Tính chất
 - b. Ý nghĩa
 - c. Kinh nghiệm

Chương 2

Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975)

Mục tiêu

- I. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945 – 1954
- II. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 – 1975)

Chương 3

Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – nay)

- I. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 – 1986)
- II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986 – nay)
 - 1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội 1986 – 1996
 - a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI và thực hiện đường lối đổi mới toàn diện

Đại hội VI của Đảng diễn ra tại Hà Nội, từ ngày 15 đến ngày 18/12/1986, trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật đang phát triển mạnh, xu thế đối thoại trên thế giới đang dần thay thế xu thế đối đầu. Đổi mới đã trở thành xu thế của thời đại. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đều tiến hành cải tổ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Việt Nam đang bị các đế quốc và thế lực thù địch bao vây, cấm vận và ở tình trạng khủng hoảng kinh tế – xã hội. Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng đều khan hiếm; lạm phát tăng 300% năm 1985 lên 774% năm 1986. Các hiện tượng tiêu cực, vi phạm pháp luật, vượt biên trái phép diễn ra khá phổ biến. Đổi mới đã trở thành đòi hỏi bức thiết của tình hình đất nước.

Dự Đại hội có 1129 đại biểu thay mặt cho gần 2 triệu đảng viên cả nước và có 32 đoàn đại biểu quốc tế đến dự. Đại hội đã thông qua các văn kiện chính trị quan trọng,

khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện, bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 124 ủy viên chính thức, bầu Bộ Chính trị gồm 13 ủy viên chính thức, bầu đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đường lối đổi mới toàn diện do Đại hội VI đề ra thể hiện trên các lĩnh vực nổi bật:

Đại hội đã nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá thành tựu, nghiêm túc kiểm điểm, chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm của Đảng trong thời kỳ 1975 – 1986. Đó là những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện. Khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm, khuyết điểm đó, đặc biệt là trên lĩnh vực kinh tế là bệnh chủ quan duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, chạy theo nguyên vọng chủ quan. Đó là tư tưởng tiểu tư sản, vừa "tả" khuynh vừa hữu khuynh. Nguyên nhân của mọi nguyên nhân bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ của Đảng. Đại hội rút ra bốn bài học quý báu: *Một là*, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc". *Hai là*, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. *Ba là*, phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. *Bốn là*, chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nhiều thành phần kinh tế. Đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp chuyển sang hạch toán, kinh doanh, kết hợp kế hoạch với thị trường. Nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là: Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy; bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý, trong đó đặc biệt chú trọng ba chương trình kinh tế lớn là lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, coi đó là sự cụ thể hóa nội dung công nghiệp hóa trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ. Thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa thường xuyên với hình thức, bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp và lực lượng sản xuất phát triển. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, giải quyết cho được những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông. Xây dựng và tổ chức thực hiện một cách thiết thực, có hiệu quả các chính sách xã hội. Bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh. Năm phương hướng lớn phát triển kinh tế là: Bố trí lại cơ cấu sản xuất; điều chỉnh cơ cấu đầu tư xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế; mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Đại hội VI nhấn mạnh: "Tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch và các chính sách kinh tế là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa"¹.

Đại hội khẳng định, chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người, cần có chính sách cơ bản, lâu dài, xác định được những nhiệm vụ, phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên. Bốn nhóm chính sách xã hội là: Kế hoạch hóa dân số, giải quyết việc làm cho người lao động. Thực hiện công bằng xã hội, bảo đảm an toàn xã hội, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực xã hội. Chăm lo đáp ứng nhu cầu giáo dục, văn hóa, bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân. Xây dựng chính sách bảo trợ xã hội.

¹Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Vol. 47. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2006, tr. 380.

Tài liệu tham khảo

- [1] Viện Lịch sử Đảng – Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. *Lịch sử biên niên Đảng Cộng sản Việt Nam*. Vol. 1. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia, 2007.
- [2] Lê Duẩn. *Giai cấp công nhân Việt Nam và liên minh công nông*. Hà Nội: NXB Sự thật, 1976.
- [3] Lê Duẩn. *Một vài đặc điểm của cách mạng Việt Nam*. Hà Nội: NXB Sự thật, 1959.
- [4] Trần Văn Giàu. *Sự phát triển tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám – Hệ ý thức tư sản và sự thất bại của nó trước nhiệm vụ lịch sử*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội, 1975.
- [5] Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Vol. 1. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011.
- [6] Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Vol. 2. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011.
- [7] Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Vol. 5. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011.
- [8] Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Vol. 12. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011.
- [9] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2011.
- [10] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng, 2016.
- [11] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Vol. 1. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 1998.
- [12] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Vol. 2. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 1998.
- [13] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Vol. 47. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2006.
- [14] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Vol. 51. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2007.
- [15] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Vol. 55. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2015.
- [16] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng, 2016.